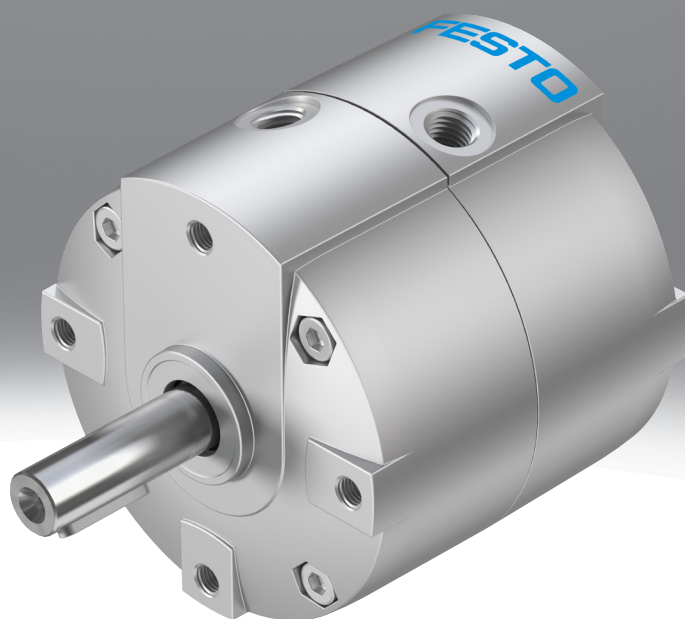


Bộ truyền động xoay DRVS

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

[liên kết](#) [drvs](#)

- Bộ truyền động xoay tác động kép với cánh xoay
- Nhẹ hơn so với các bộ truyền động xoay khác
- Thiết kế hiện đại và nhỏ gọn
- Góc xoay cố định
- Có thể điều chỉnh góc xoay với sự trợ giúp của các phụ kiện
- Vỏ bảo vệ khỏi nước bắn tóe và bụi
- Không có điểm dừng cố định bằng kim loại

Biểu đồ

[liên kết](#) [drvs](#)

Các sơ đồ hiển thị trong tài liệu này cũng có sẵn trực tuyến. Ở đó nó có thể hiển thị các giá trị chính xác.

Góc xoay danh định [°]

- [90] 90°
- [180] 180°
- [270] 270°

Đệm

Đệm vị trí cuối có các chức năng sau:

- Giảm động năng ở các vị trí cuối
- Tránh rung
- Giảm tiếng ồn

[P] Vòng/tấm giảm chấn đàn hồi ở cả hai bên

Bộ truyền động được trang bị đệm vị trí cuối bằng nhựa đàn hồi.

Ưu điểm:

- Không cần cài đặt
- Tiết kiệm thời gian

Chứng nhận Ex - EU

[EX4] II 2GD

- Danh mục ATEX Khí II 2G
- Loại chống cháy nổ khí Ex h IIC T4 Gb X
- Danh mục ATEX Bụi II 2D
- Loại bảo vệ chống cháy nổ Bụi Ex h IIIC T120 °C Db X
- Nhiệt độ môi trường nổ $0\text{ °C} \leq Ta \leq +60\text{ °C}$

Mã mẫu

001	Dòng		003	Góc xoay danh định [°]	
DRVS	Bộ truyền động xoay, tác động kép		90	90°	
			180	180°	
			270	270°	
002	Kích thước [mm]		004	Đệm	
6	6		P	Vòng/tấm giảm chấn đàn hồi ở cả hai bên	
8	8				
12	12		005	Chứng nhận Ex - EU	
16	16			Không	
25	25		EX4	II 2GD	
32	32				
40	40				

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung							
Kích thước	6	8	12	16	25	32	40
Cấu trúc xây dựng	Cánh xoay						
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu						
Kiểu gắn	với ren trong						
Vị trí lắp đặt	bất kì						
Góc xoay danh định [°]	90, 180		90, 180, 270				
Góc giảm âm	0.5°						
Độ chính xác lặp lại	1°						

Dữ liệu kỹ thuật chung																			
Kích thước	6		8		12			16			25			32			40		
Góc xoay danh định [°]	90	180	90	180	90	180	270	90	180	270	90	180	270	90	180	270	90	180	270
Tần số xoay tối đa ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	3 Hz						2 Hz	3 Hz		2 Hz	3 Hz		2 Hz	3 Hz		2 Hz	3 Hz		2 Hz

Các điều kiện vận hành và môi trường							
Kích thước	6	8	12	16	25	32	40
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]						
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)						
Áp suất vận hành	0,35 ... 0,8 MPA		0,25 ... 0,8 MPA		0,2 ... 0,8 MPA		
Áp suất vận hành	3,5 ... 8 bar		2,5 ... 8 bar		2 ... 8 bar		
Áp suất vận hành	50,75 ... 116 psi		36,25 ... 116 psi		29 ... 116 psi		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ¹⁾	0 ... 60°C						
Lớp chống ăn mòn KBK ²⁾	1 - ứng suất ăn mòn thấp						

1) Quan sát khu vực ứng dụng của các công tắc tiệm cận
2) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

ATEX							
Kích thước ¹⁾	6	8	12	16	25	32	40
Danh mục ATEX Khí	II 2G						
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb X						
Danh mục ATEX Bụi	II 2D						
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T120°C Db X						
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	0°C <= Ta <= +60°C						
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)						
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX						
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)						

1) Lưu ý chứng nhận ATEX của các phụ kiện

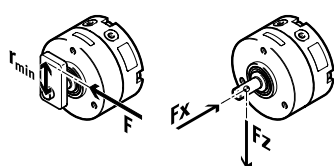
Quả nặng - DRVS-6 ... 16																
Kích thước	6			8			12			16						
Góc xoay danh định [°]	90	180		90	180		90	180	270	90	180	270	90	180	270	
trọng lượng sản phẩm	38 g			68 g			154 g		152 g	150 g		272 g	270 g		268 g	

Quả nặng - DRVS-25 ... 40									
Kích thước	25			32			40		
Góc xoay danh định [°]	90	180	270	90	180	270	90	180	270
trọng lượng sản phẩm	502 g	494 g	486 g	928 g	912 g	896 g	1.530 g	1.500 g	1.470 g

Bảng dữ liệu

Vật liệu							
Kích thước	6	8	12	16	25	32	40
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa		Nhôm đúc áp lực, sơn				
Vật liệu trực truyền động	thép hợp kim cao không gỉ			Thép mạ niken			
Vật liệu cửa phốt	TPE-U (PU)						
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS						
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L						
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Loại 5 theo ISO 14644-1						
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)						

Lực và mômen



Các điểm dừng bên ngoài phải được sử dụng nếu bộ truyền động xoay DRVS được sử dụng mà không có hệ thống dừng hoặc nếu vượt quá mômen quán tính khối lượng. Bán kính tối thiểu đến trục truyền động (r_{min}) không được giảm bớt. Lực tác động không được vượt quá một lực tối đa.

Bán kính tối thiểu đến trục truyền động = r_{min}

Lực tác động tối đa = F

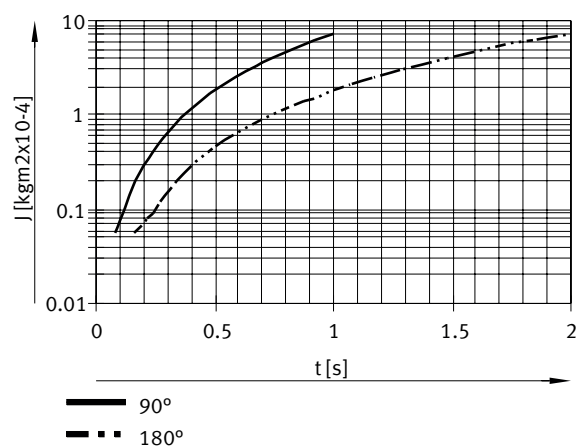
Lực dọc trục = F_x

Lực hướng tâm = F_z

Kích thước	6	8	12	16	25	32	40
Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	0,15 N m	0,35 N m	1 N m	2 N m	5 N m	10 N m	20 N m
Bán kính dừng cho phép	≥ 10 mm		≥ 15 mm	≥ 17 mm	≥ 21 mm	≥ 28 mm	≥ 40 mm
Lực tác động tối đa	15 N	30 N	90 N	160 N	320 N	480 N	650 N
Lực dọc trục tối đa ¹⁾	10 N		20 N	25 N	40 N	75 N	120 N
Lực hướng tâm tối đa ²⁾	15 N	20 N	25 N	30 N	60 N	200 N	350 N
Mômen quán tính khối lượng cho phép	0,00065 kgm ²	0,0013 kgm ²	0,005 kgm ²	0,01 kgm ²	0,012 kgm ²	0,02 kgm ²	0,035 kgm ²

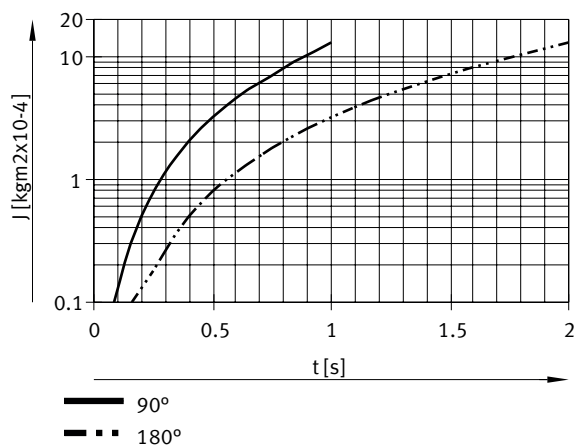
1) Điểm tham chiếu của các lực là trục quay và tâm của trục truyền động

2) Điểm tham chiếu của các lực là trục quay và tâm của trục truyền động

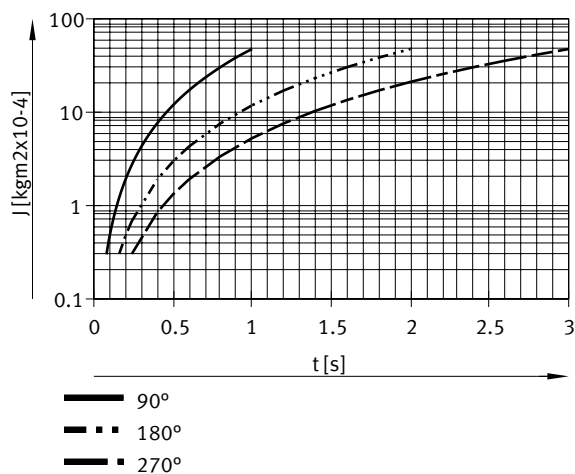
Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-6

Bảng dữ liệu

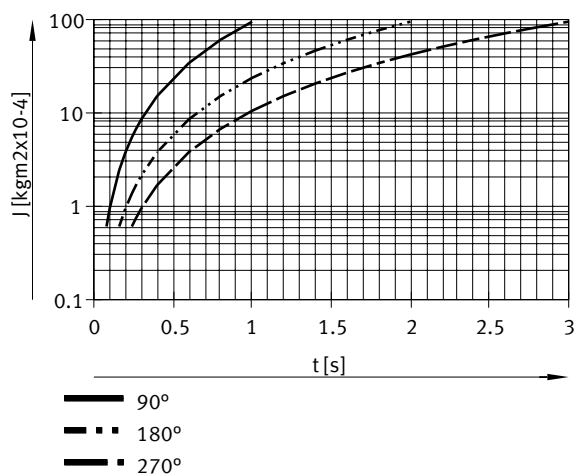
Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-8



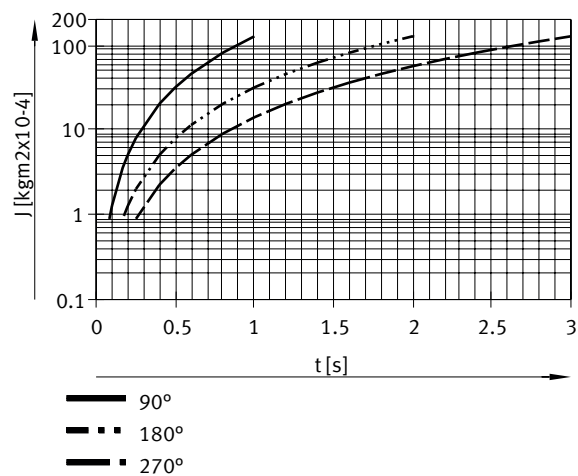
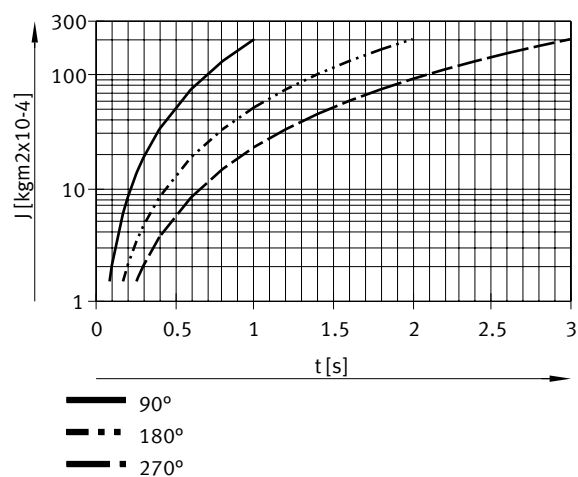
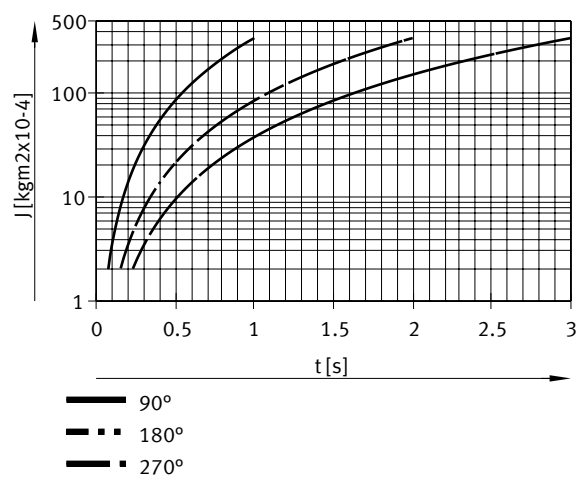
Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-12



Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-16



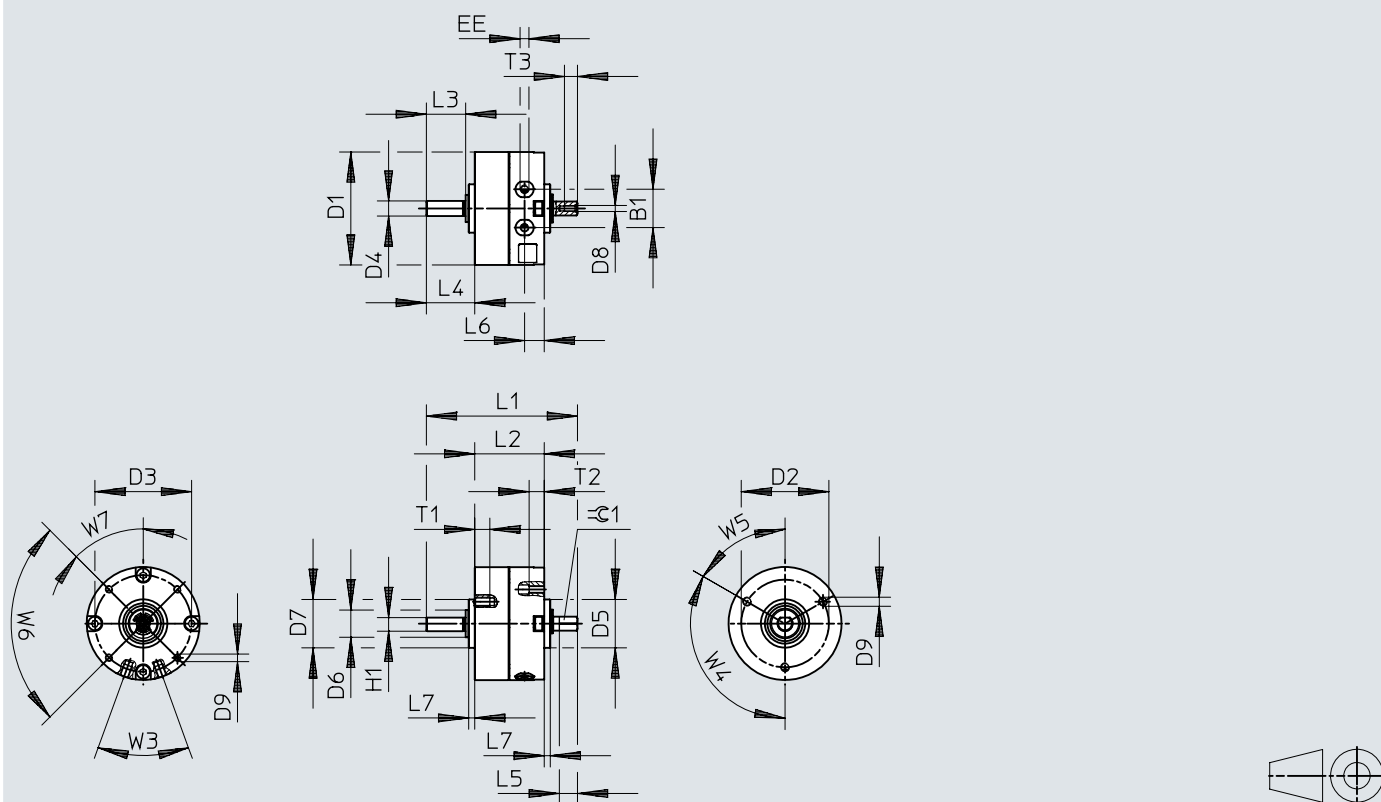
Bảng dữ liệu

Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-25Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-32Mô-men quán tính khối lượng J tùy thuộc vào thời gian xoay t – DRVS-40

Kích thước

Kích thước – Kích thước 6/8

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	D1 ø ±0,2	D2 ø ±0,1	D3 ø ±0,1	D4 ø g7	D5 ø f8	D6 ø	D7 ø f8	D8	D9
DRVS-6	10	29,4	24	25	4	14	8	14	M2	M3
DRVS-8	12,8	37,4	29	32	5	16	9	16	M2	M3

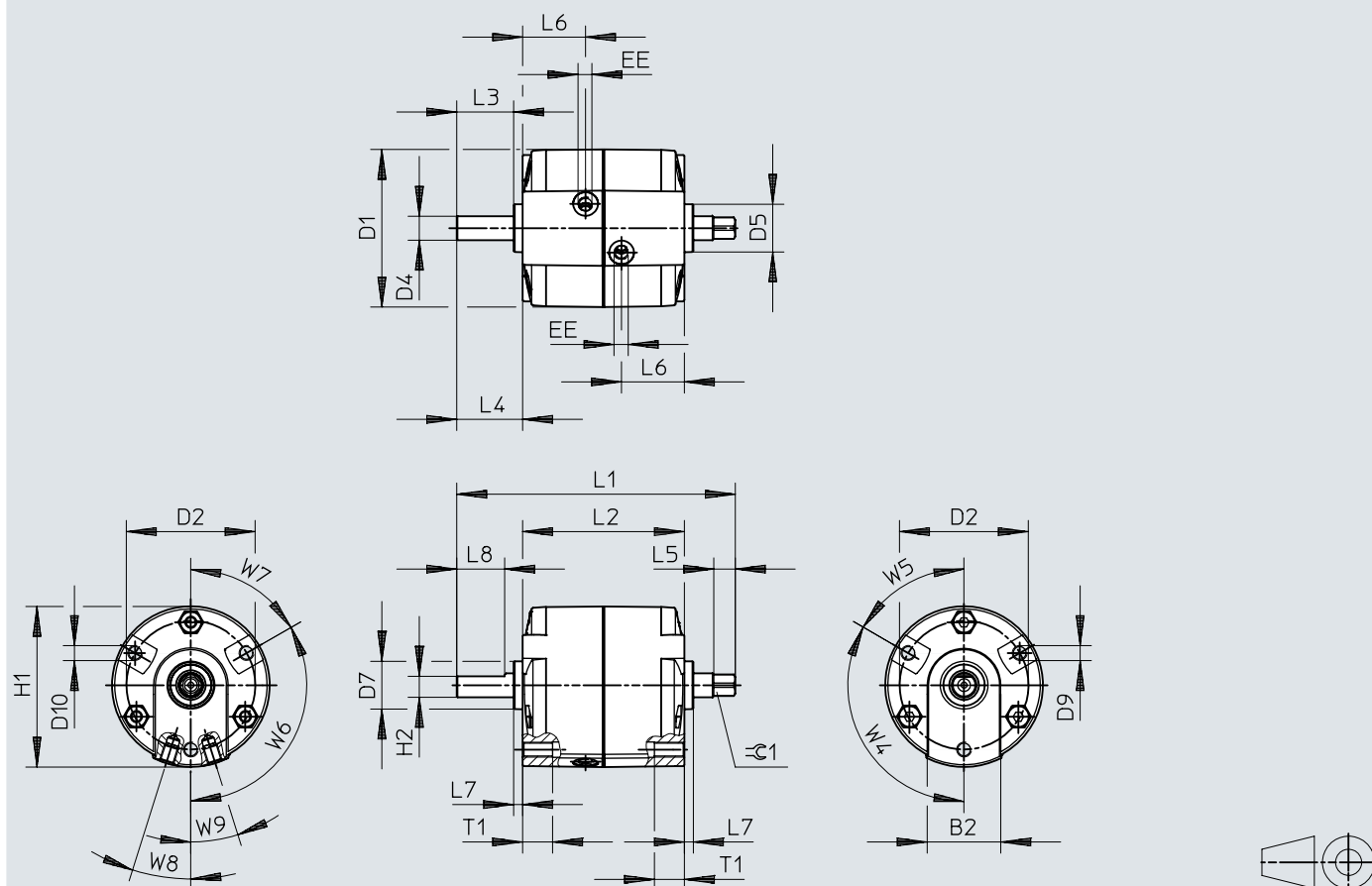
	D10	EE	H1 -0,2	L1	L2	L3	L4	L5 -0,2	L6	L7
DRVS-6	M2	M3	3,5	43	21	10	13	5	6	2
DRVS-8	M2,5	M3	4,5	50	23	13	16	6	6,5	2

	T1 +0,5	T3 +0,5	W3	W4	W5	W6	W7	≈ 1	
DRVS-6	5	3,5	40°	120°	60°	90°	45°	3	
DRVS-8	5	4,3						3,5	

Kích thước

Kích thước – Kích thước 12/16

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



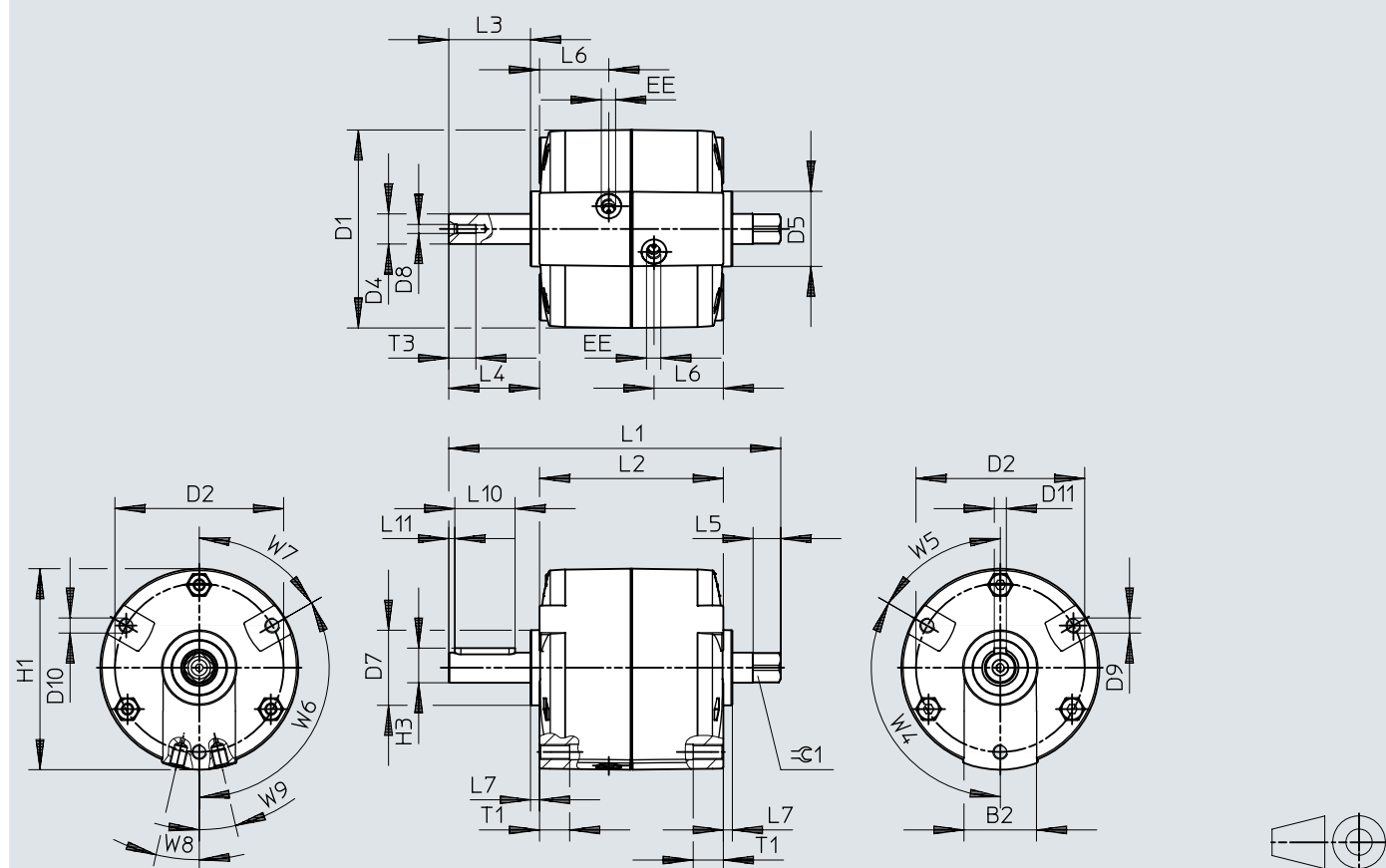
	B2	D1 Ø	D2 Ø ±0,2	D4 Ø g7	D5 Ø ±0,1	D7 Ø ±0,1	D9	EE	H1
DRVS-12	24	45,5	36	6	14	14	M4	M5	46,3
DRVS-16	24,5	52,7	43	8	16	16	M5	M5	53,7

	H2	L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8
	±0,1		+0,6/-0,2					+0,1/-0,1	+0,4
DRVS-12	5	73+0,2/-0,1	40,5	17	20+0,4/-0,6	9±0,1	14,8	3	14
DRVS-16	7	93+0,2/-0,2	54	19	22+0,4/-0,7	7,2 ^{+0,1}	21	3	16

	T1	W4	W5	W6	W7	W8	W9	≈ 1
DRVS-12	8	120°	60°	120°	60°	19,5°	19,5°	4,5 _{h11}
DRVS-16	10					17,5°	17,5°	6 _{-0,1}

Kích thước

Kích thước – Kích thước 25

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

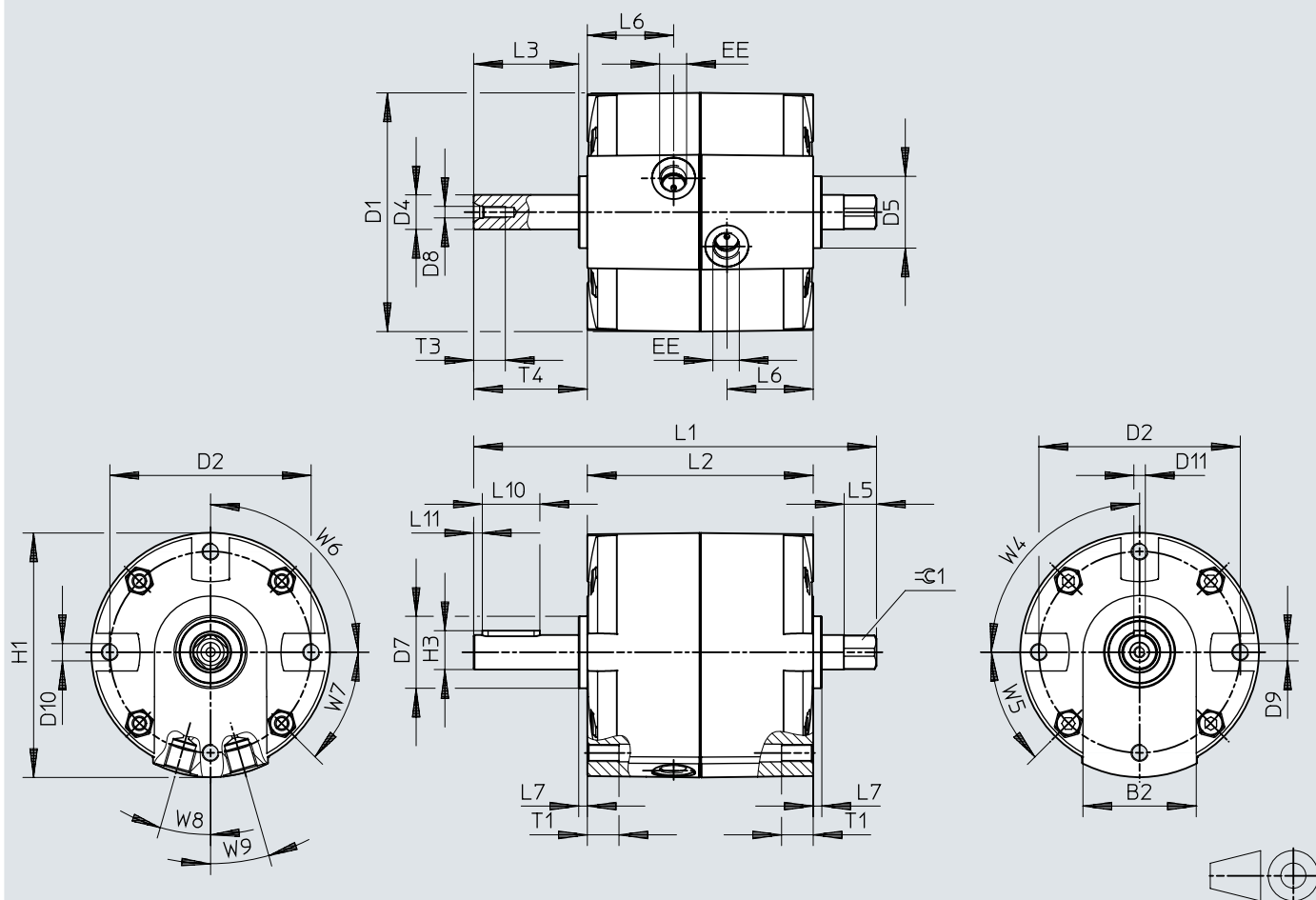
	B2	D1 ø	D2 ø ±0,2	D4 ø g7	D5 ø ±0,1	D7 ø ±0,1	D8	D9
DRVS-25	24	65,7	56	10	25	25	M3	M5
	D11 N9	EE	H1	H3	L1	L2	L3	L4
				-0,2	+0,2/-0,3	+0,3/-0,2		+0,3/-0,4
DRVS-25	4	M5	66,7	11,5	110,2	61	27,1	30,1
	L5	L6	L7	L10	L11	T1	T3	W4
			+0,1/-0,1	+0,1			+3	
DRVS-25	9,2	23	3	20	2	10	9	120°
	W5	W6	W7	W8	W9	≈C 1 -0,1	1)	
DRVS-25	60°	120°	60°	13°	13°	8	A4x4x20	

1) Then dẫn đã bao gồm trong phạm vi giao hàng

Kích thước

Kích thước – Kích thước 32/40

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



Kích thước

	B2	D1 ø	D2 ø ±0,2	D4 ø g7	D5 ø ±0,1	D7 ø ±0,1	D8	D9
DRVS-32	39	83	70	12	25	25	M4	M6
DRVS-40	42	100,1	87	17	30	30	M5	M8

	D11 N9	EE	H1	H3 -0,2	L1 +0,2/-0,3	L2	L3	L4 +0,3/-0,6
DRVS-32	4	G1/8	85	13,5	140	78,5+0,5/-0,1	36,5	39,5
DRVS-40	5	G1/8	102,6	19	170	93+0,4	50,5	53,5

	L6	L7	L10	L11	T1	T3 +3	W4	W5
DRVS-32	30	3+0,1/-0,2	20+0,1	3	11	11	90°	45°
DRVS-40	37	3+0,2	36,1+0,3	5	13+3	13		

	W6	W7	W8	W9	≈ 1 h11	1)		
DRVS-32	90°	45°	16°	16°	10	A4x4x20		
DRVS-40			14,5°	14,5°	13	A5x5x36		

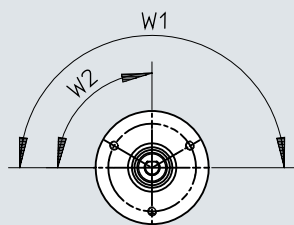
1) Then dẫn theo tiêu chuẩn DIN 6885 được bao gồm trong phạm vi giao hàng

Kích thước

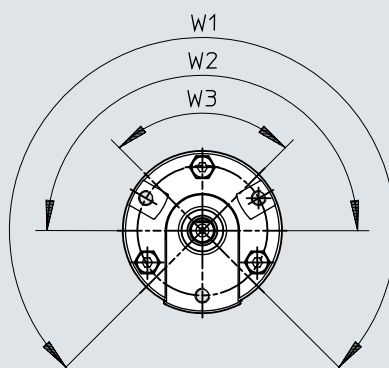
Kích thước – DRVS – vị trí của trục

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

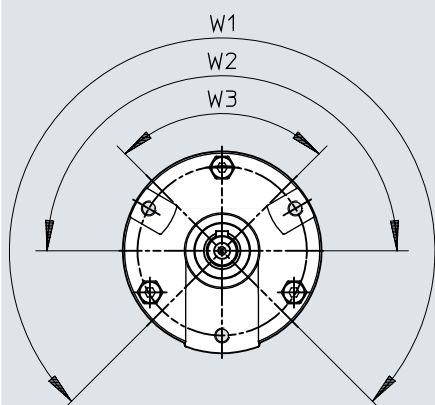
DRVS-6/8-...



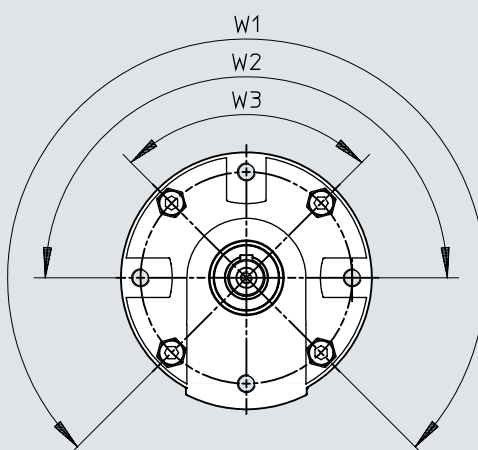
DRVS-12/16-...



DRVS-25-...



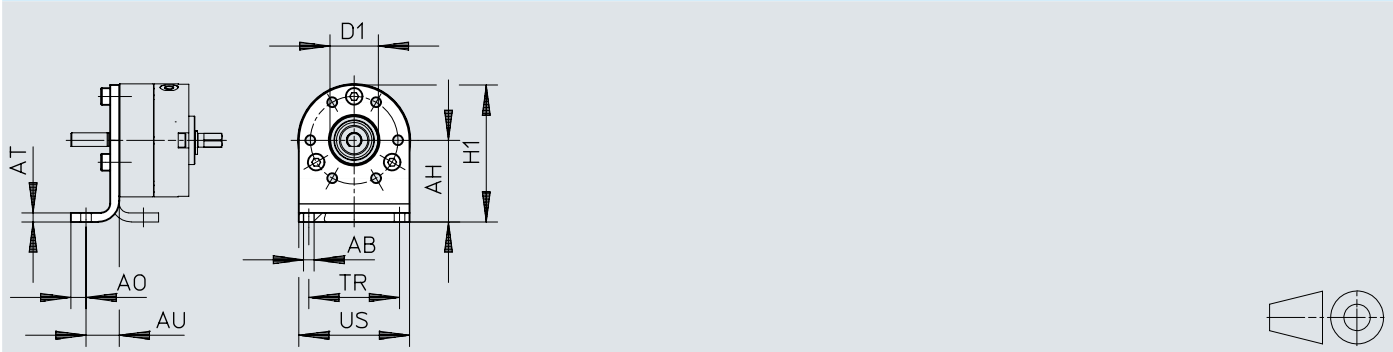
DRVS-32/40-...



	W1	W2	W3
DRVS-6 ... 8	$180^{\circ} +5$	$90^{\circ} +5$	–
DRVS-12 ... 40	$270^{\circ} +7$	$180^{\circ} +7$	$90^{\circ} +7$

Kích thước

Kích thước – Bút gá xy lanh DAMH cho DRVS-6/8 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

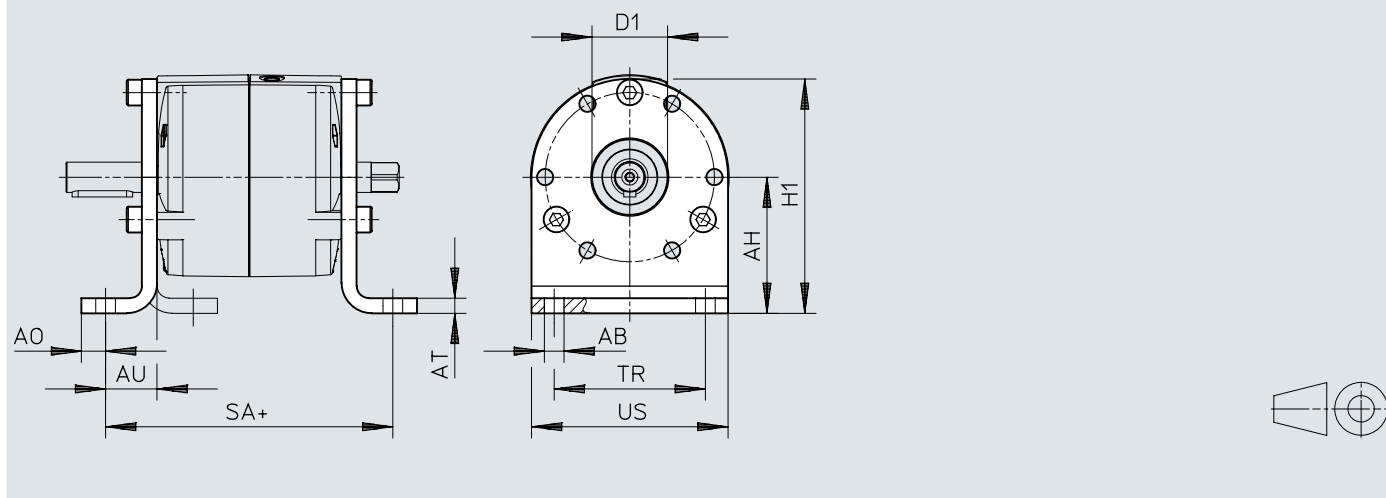


[1] Với DRVS-6 ... 8, bút gá xy lanh chỉ có thể được gắn ở phía trước.

	AB Ø H13	AH	AO	AT	AU	D1 Ø	H1	TR	US
DAMH-Q12-6	3,5	22±0,2	4	3	11	14 ^{+0,05}	36,8+0,5/-0,3	20	29,6+0,3/-0,2
DAMH-Q12-8	3,5	27±0,2	5	3	11	16 ^{+0,05}	45,3±0,4	30	36,6±0,3

Kích thước

Kích thước – Bật gá xy lanh DAMH cho DRVS-12 ... 25

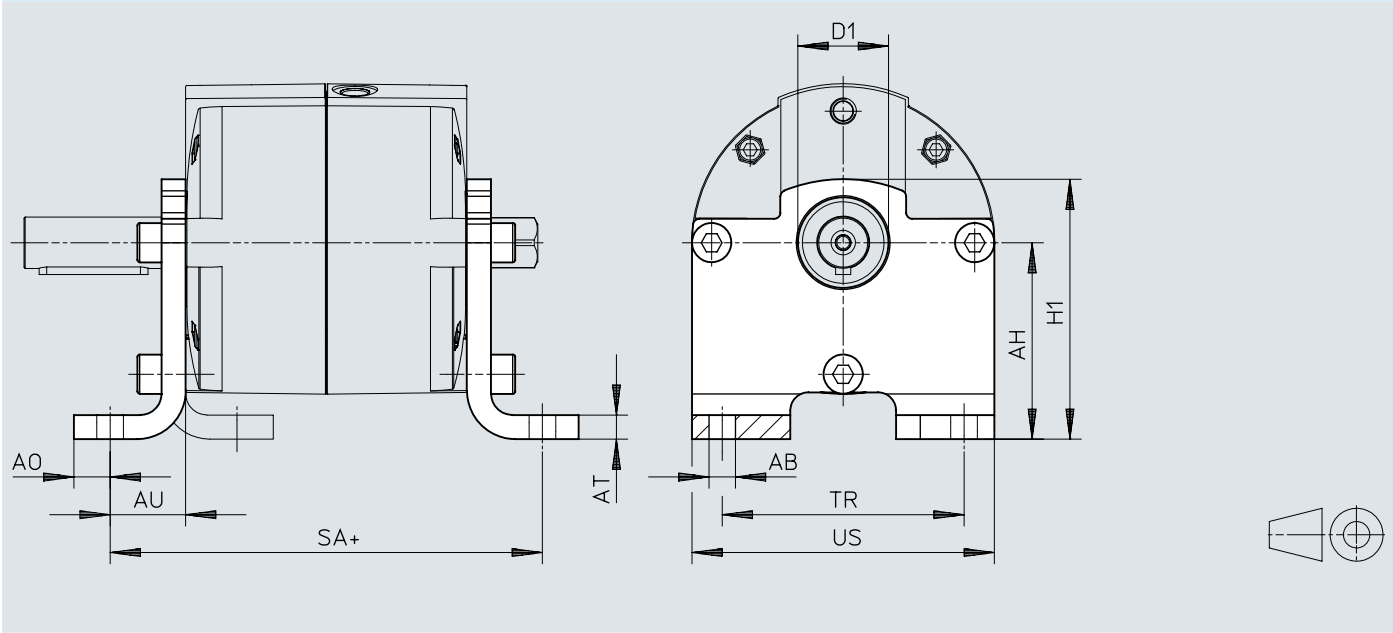
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

	AB Ø H13	AH	AO	AT	AU	D1 Ø	H1	SA	TR	US
DAMH-Q12-12	5,5	30±0,2	6	4	14	14 ^{H10}	52+0,5/-0,3	68,5	30	44 _{-0,5}
DAMH-Q12-16	5,5	35±0,25	7	4	15	16 ^{H10}	61+0,5/-0,3	84	40	52 _{-0,5}
DAMH-Q12-25	6,5	45±0,25	8	5	17	25 ^{H10}	77,5+0,5/-0,3	95	50	65 _{-0,5}

Kích thước

Kích thước – Bật gá xy lanh DAMH cho DRVS-32/40

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

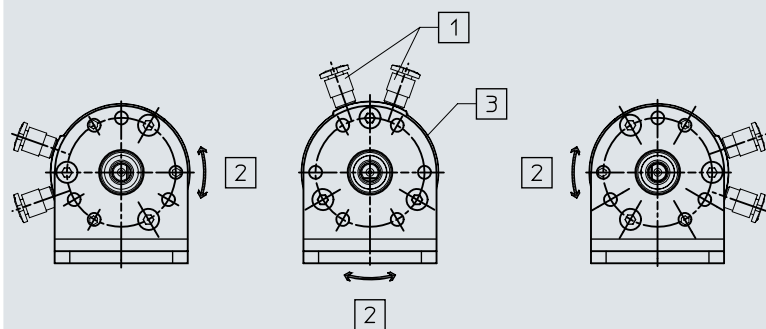


	AB ø H13	AH	AO	AT	AU	D1 ø	H1	SA	TR	US
DAMH-Q12-32	8,8	55±0,3	11	6	21	25 ^{H10}	73±0,5	122,5	60	81,5 _{-0,5}
DAMH-Q12-40	8,8	65±0,3	12	8	25	30 ^{H10}	86±0,5	143	80	100±0,3

Kích thước

Kích thước – Bát gá xy lanh DAMH-Q12 – Các biến thể lắp kết nối với các cổng nối khí nén

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

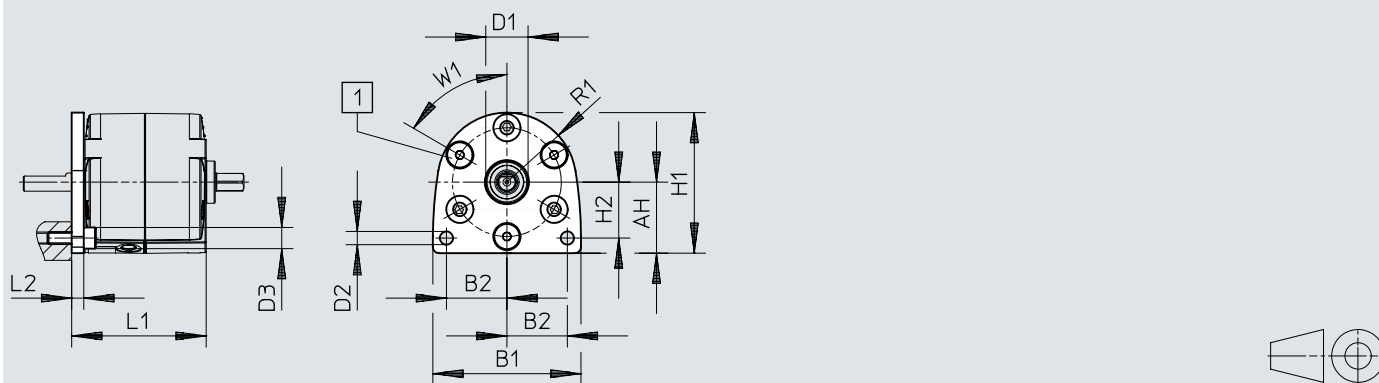


- [1] Các cổng nối khí nén (có thể có ba kiểu gắn kết hợp với bát gá xy lanh DAMH)
- [2] Vị trí tâm của góc xoay
- [3] Vị trí trục ở vị trí tiêu chuẩn (vị trí góc xoay)

Kích thước

Kích thước – Bộ gá mặt bích DAMF cho DRVS-12 ... 25

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



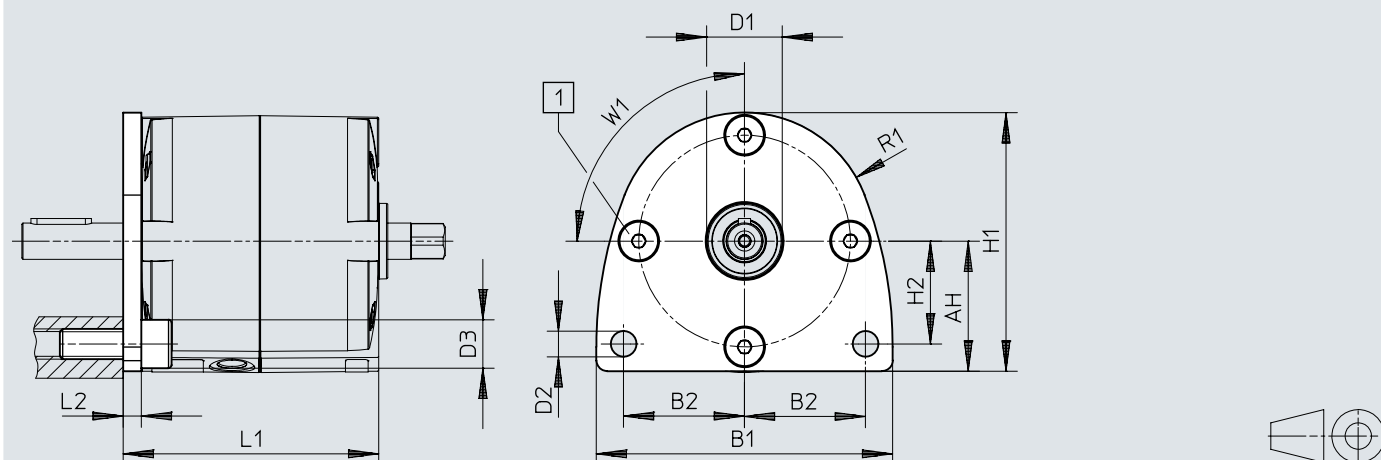
[1] Các cổng nối khí nén

[2] Có thể lắp kết hợp với các cổng nối khí nén cho DRVS-12 ... 25 mỗi 60°

	AH	B1	B2	D1 Ø H10	D2 Ø H13	D3 Ø max.	H1	H2	L1	L2	R1	W1
DAMF-Q12-12	23,5±0,2	49±0,4	20	14	4,4	8,5	46,5+0,4/-0,3	18,5	44,5	4	23	60°
DAMF-Q12-16	28±0,2	59±0,4	23	16	5,4	8,5	56±0,4	20,5	58	4	28	60°
DAMF-Q12-25	34,5±0,2	74±0,4	30	25	6,5	10	69±0,4	23	66	5	34,5	60°

Kích thước

Kích thước – Bộ gá mặt bích DAMF cho DRVS-32/40

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

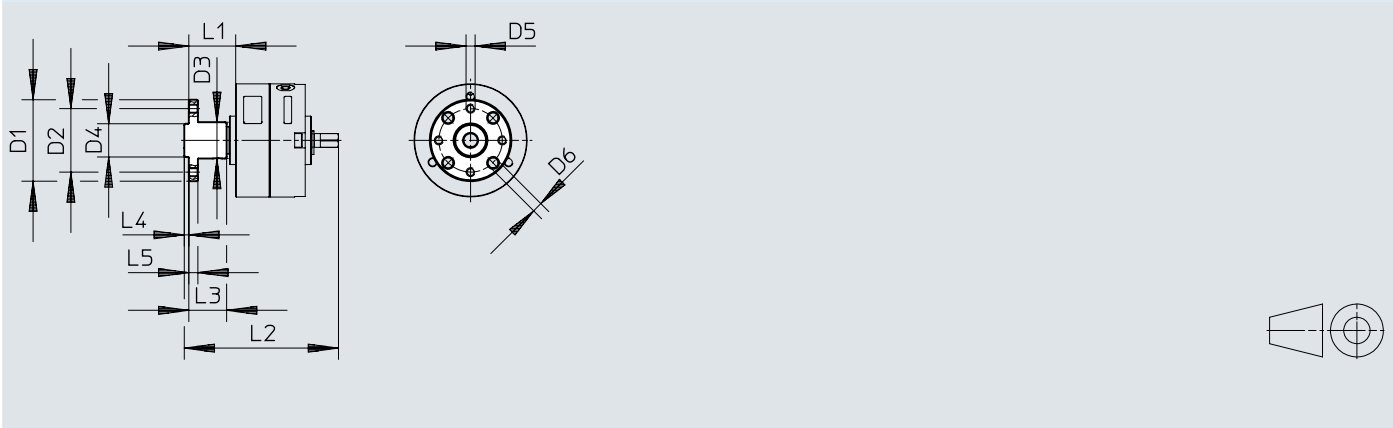
[1] Các cổng nối khí nén

[2] Có thể lắp kết hợp với các cổng nối khí nén cho DRVS-32 ... 40 mỗi 90°

	AH	B1	B2	D1 Ø H10	D2 Ø H13	D3 Ø max.	H1	H2	L1	L2	R1	W1
DAMF-Q12-32	43±0,2	98±0,5	40	25	8,5	16	85,5+0,5/-0,4	34	84,5	6	42,5	90°
DAMF-Q12-40	53+0,3/-0,2	120±0,5	50	30	8,5	18	106+0,5/-0,3	40	99	6	53	90°

Kích thước

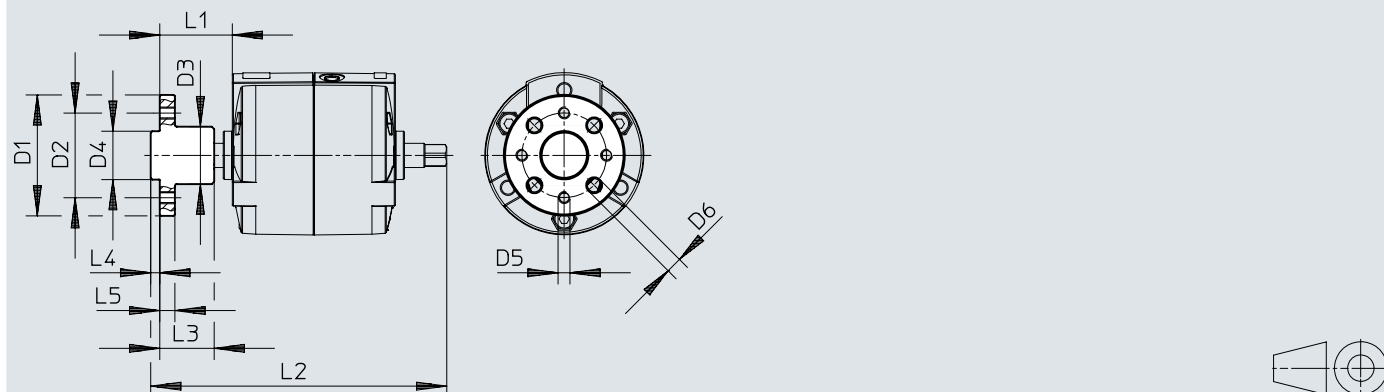
Kích thước – Khớp nối mặt bích FWSR cho DRVS-6/8 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1 ø	D2 ø	D3 ø +0,4	D4 ø	D5	D6 ø H13	L1	L2	L3	L4	L5
FWSR-6	23	16	10	8 _{g7}	M3	3,4	13,5±0,7	45	10,5	1,5 _{-0,2}	3
FWSR-8	27	21	12	11 _{g7}	M3	3,4	15,5±0,7	51	12,5	1,5 _{-0,2}	3

Kích thước

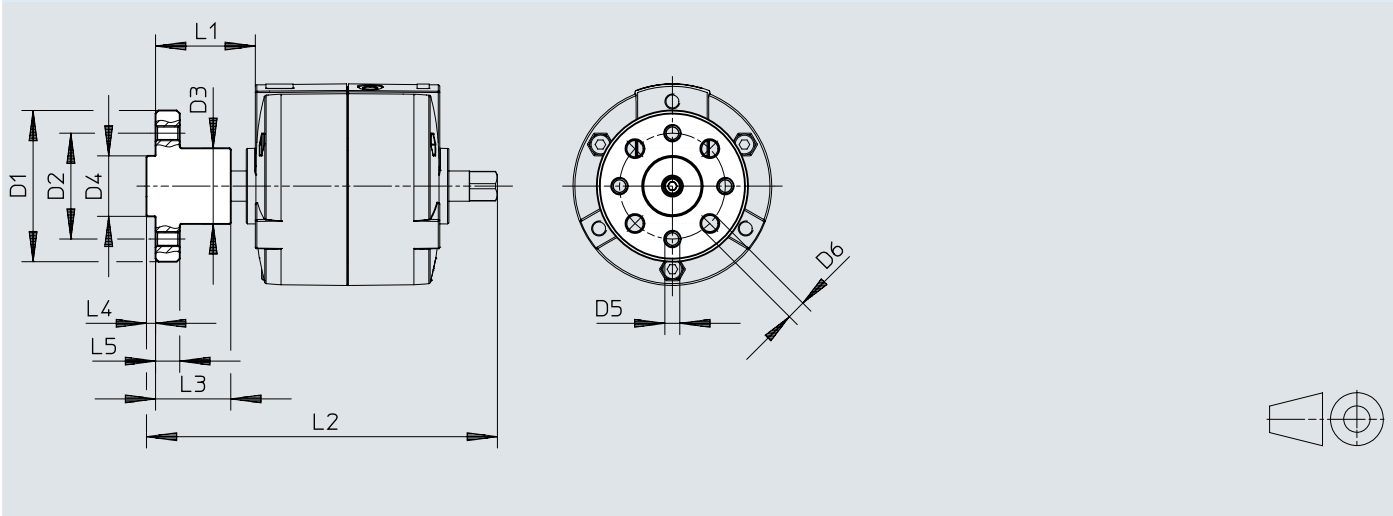
Kích thước – Khớp nối mặt bích DARF cho DRVS-12/16

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

	D1 Ø	D2 Ø	D3 Ø +0,4	D4 Ø	D5	D6 Ø H13	L1	L2	L3	L4	L5
DARF-Q12-12	35 _{-0,5}	25	16	14 _{f8}	M3	3,4	21 _{+0,5/-0,7}	77	16	3 _{-0,1}	3
DARF-Q12-16	40 _{-0,5}	28	19	16 _{f8}	M4	4,5	23 _{+0,5/-0,8}	97	18	3 _{-0,1}	5

Kích thước

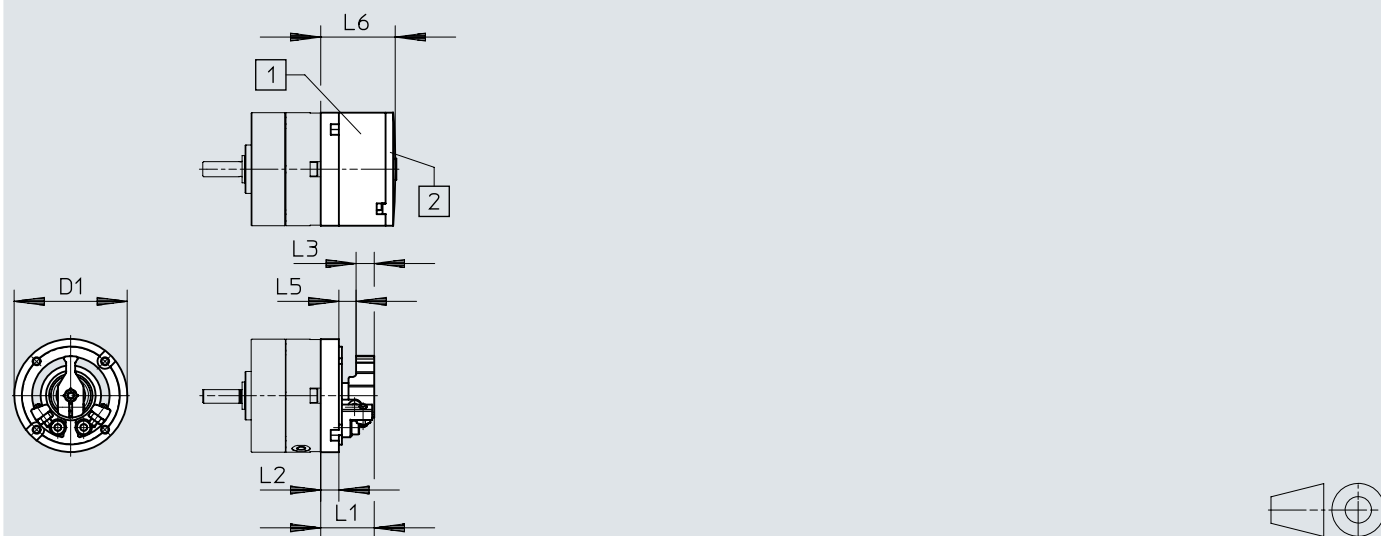
Kích thước – Khớp nối mặt bích DARF cho DRVS-25 ... 40 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1 Ø	D2 Ø	D3 Ø +0,4	D4 Ø	D5	D6 Ø H13	L1	L2	L3	L4	L5
DARF-Q12-25	50 _{-0,5}	35	25	20 _{f8}	M5	5,5	33+0,4/-0,5	116,1	24,9	3 _{-0,1}	8
DARF-Q12-32	60 _{-0,5}	45	25	28 _{f8}	M6	6,5	42,6+0,4/-0,7	147,1	26,1	4 _{-0,1}	10
DARF-Q12-40	70 _{-0,5}	54	30	36 _{f8}	M8	9	57,1+0,4/-0,7	178,6	44,6	5 _{-0,1}	11

Kích thước

Kích thước – Kit chặn KSM

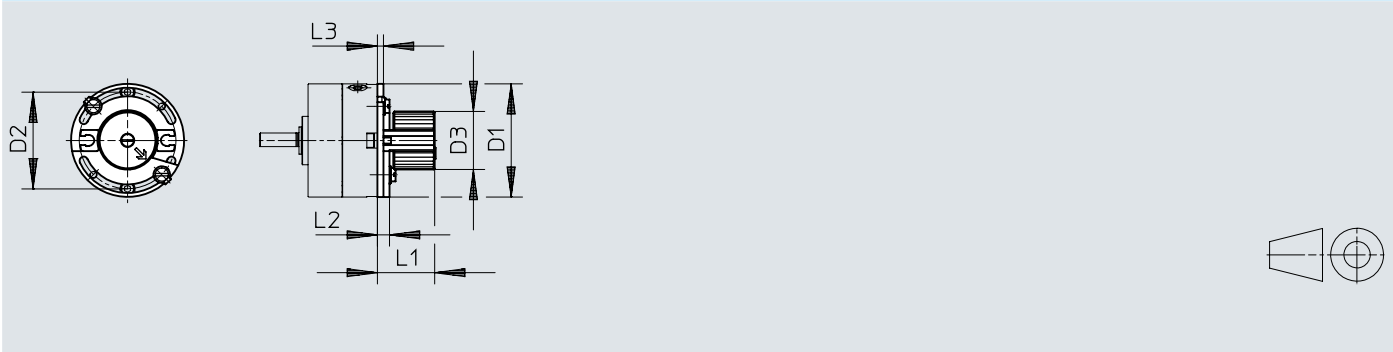
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

- [1] Vỏ che
[2] Tấm che

	D1 Ø ±0,2	L1 +0,4	L2 +0,3	L3	L5	L6 +0,2/-0,6
KSM-6	29,4	11,2	3,2	5	2,5	17,8
KSM-8	37,4	17	6	6	5,7	24,9

Kích thước

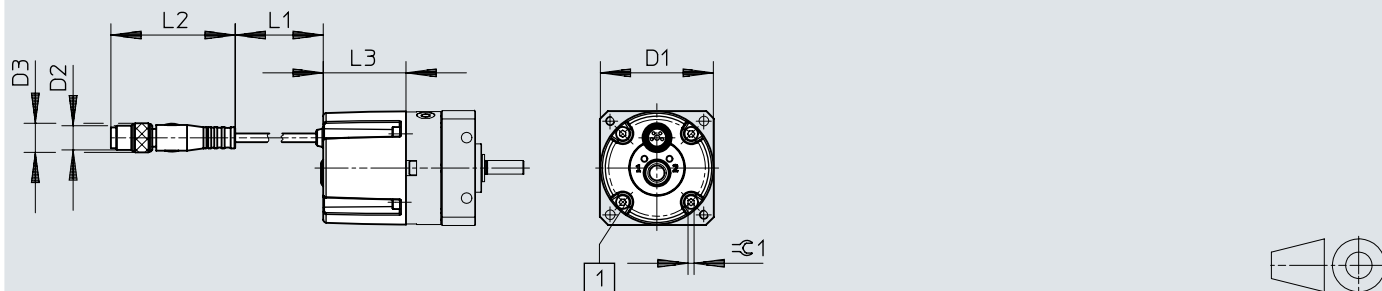
Kích thước – Bộ gá WSM Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1 ø ±0,2	D2 ø ±0,2	D3 ø	L1 ±1	L2	L3
WSM-6-SME-10	29,4	25	17,3	19,5	4	2
WSM-8-SME-10	37,4	32	19,3	19,5	4	2

Kích thước

Kích thước – Cảm biến vị trí SRBS cho DRVS-6/8

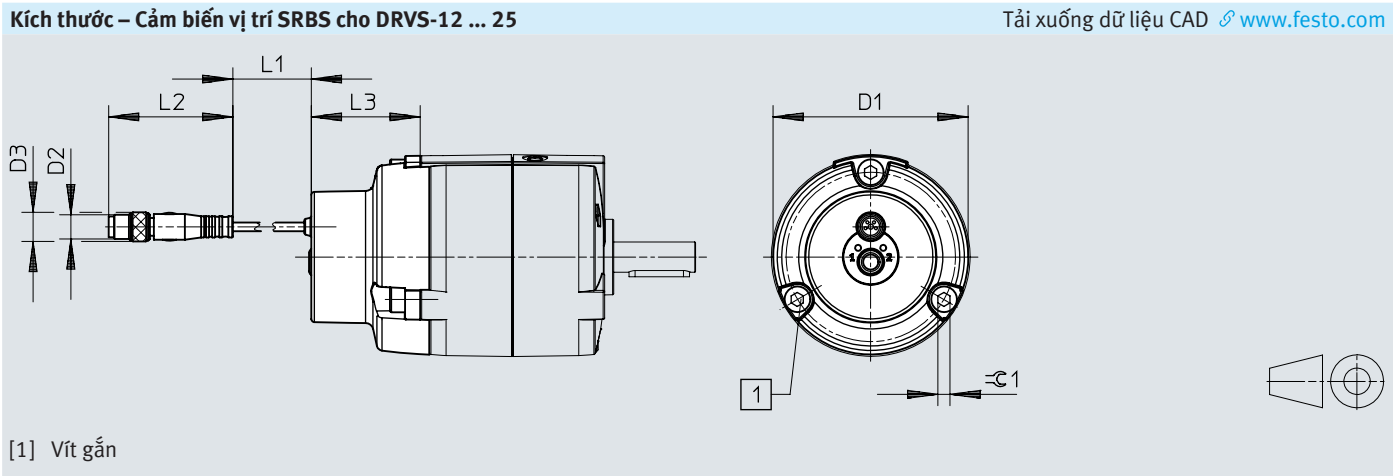
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

[1] Vít gắn

	D1 Ø	D2	D3 Ø	L1	L2	L3	≈ 1
SRBS-Q12-6-E270-EP-1-S-M8	29,4	M8x1 ¹⁾	9,6	300	41,1	25,4	1,5
SRBS-Q12-8-E270-EP-1-S-M8	32					27,4	2

1) Đầu cắm 4 chân

Kích thước

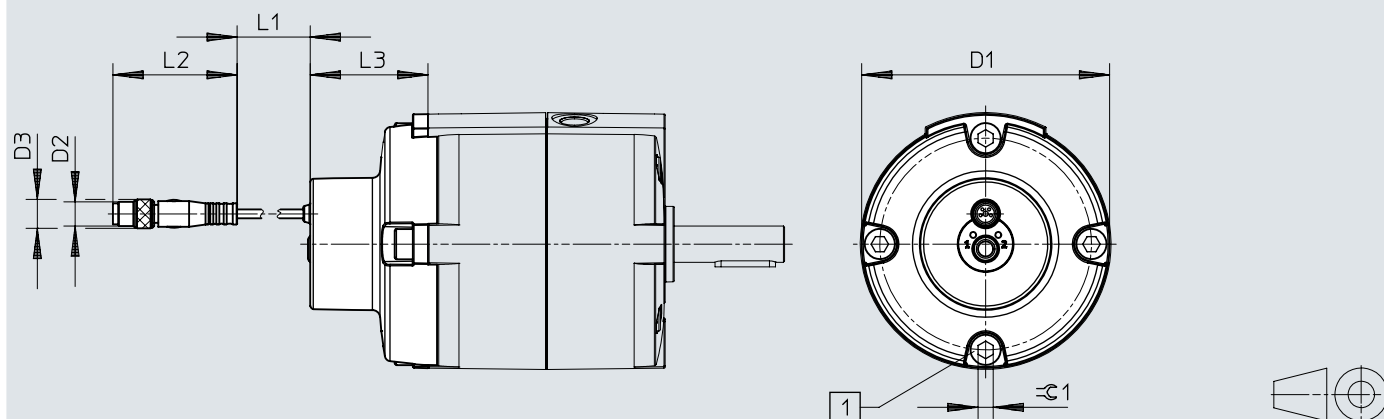


	D1 Ø	D2	D3 Ø	L1	L2	L3	±C 1
SRBS-Q12-12-E270-EP-1-S-M8	44,6	M8x1 ¹⁾	9,6	300	41,1	29,4	3
SRBS-Q12-16-E270-EP-1-S-M8	51,6					33,9	4
SRBS-Q12-25-E270-EP-1-S-M8	64,5					36	4

1) Đầu cắm 4 chân

Kích thước

Kích thước – Cảm biến vị trí SRBS cho DRVS-32/40

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

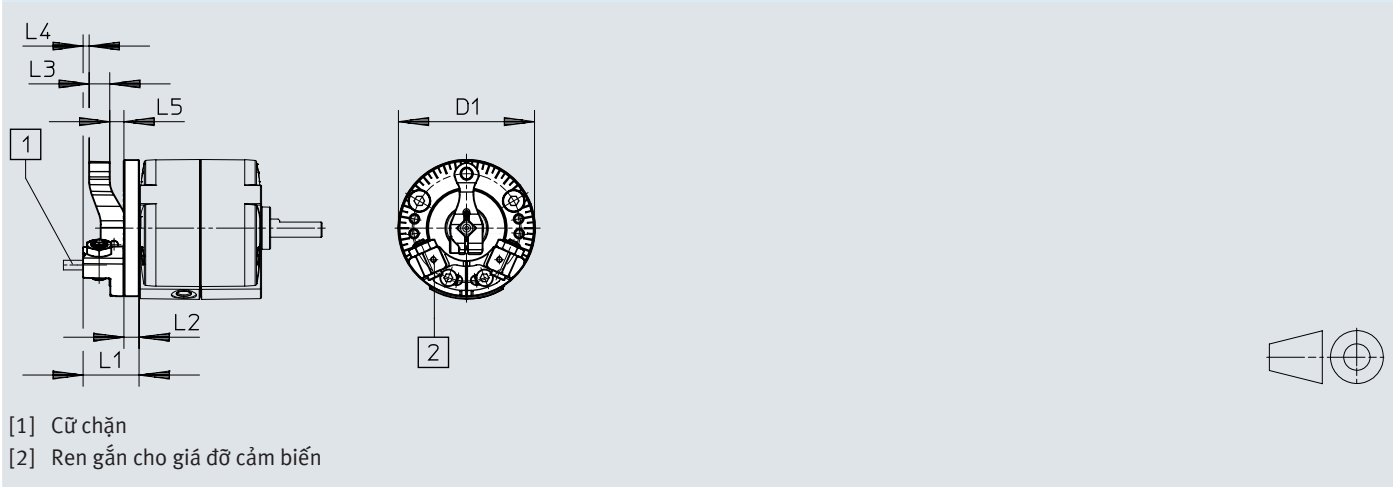
[1] Vít gắn

	D1 Ø	D2	D3 Ø	L1	L2	L3	± 1
SRBS-Q12-32-E270-EP-1-S-M8	81,3	M8x1 ¹⁾	9,6	300	41,1	38,9	5
SRBS-Q12-40-E270-EP-1-S-M8	98,3					40,4	6

1) Đầu cắm 4 chân

Kích thước

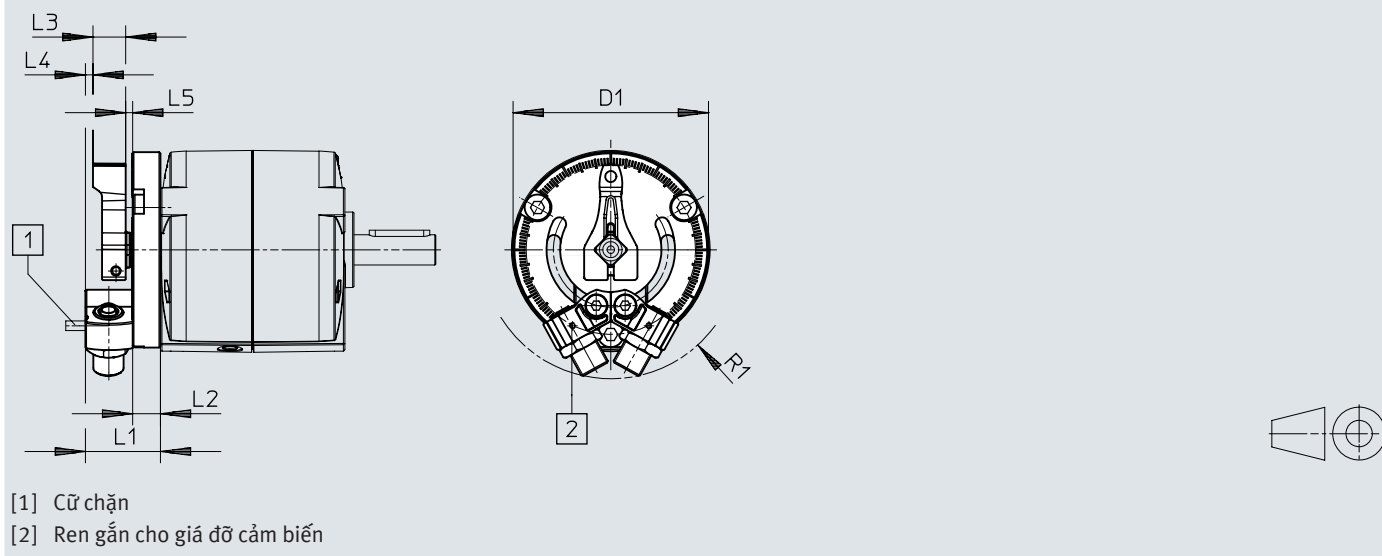
Kích thước – Kit chặn DADP-ES cho DRVS-12 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1 ø	L1	L2	L3	L4	L5
DADP-ES-Q12-12	45	18,5	5	6,8	2	4,7

Kích thước

Kích thước – Kit chặn DADP-ES cho DRVS-16/25

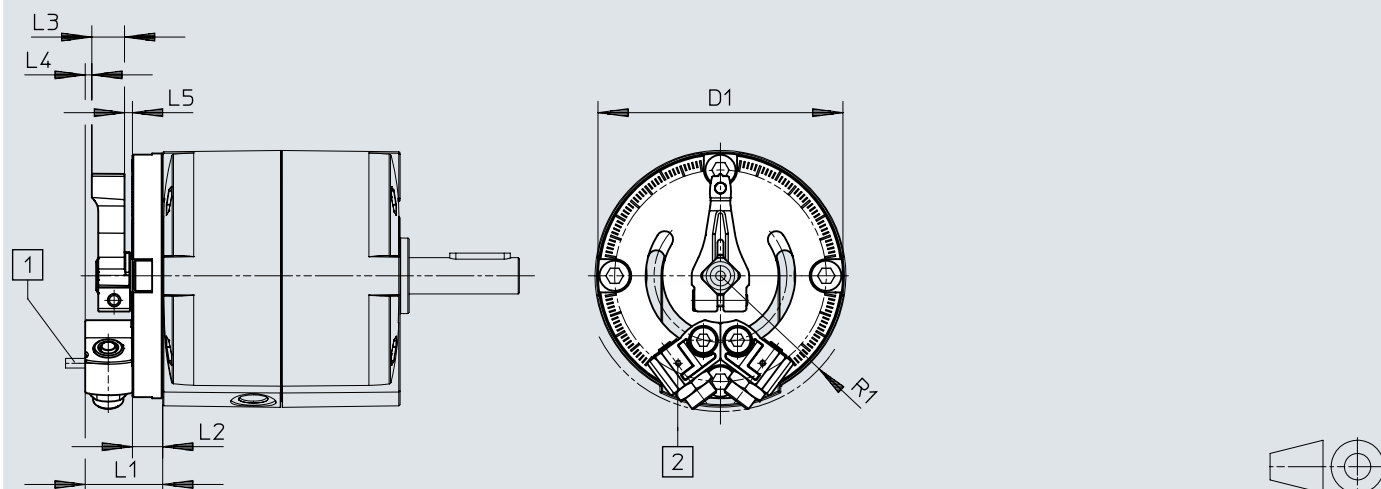
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

	D1 Ø	L1	L2	L3	L4	L5	R1
DADP-ES-Q12-16	51,7	21,5	9	8,5	2,3	1,7	34
DADP-ES-Q12-25	64,6	24,8	9,2	10,8	2,5	2,3	43,5

Kích thước

Kích thước – Kit chặn DADP-ES cho DRVS-32/40

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

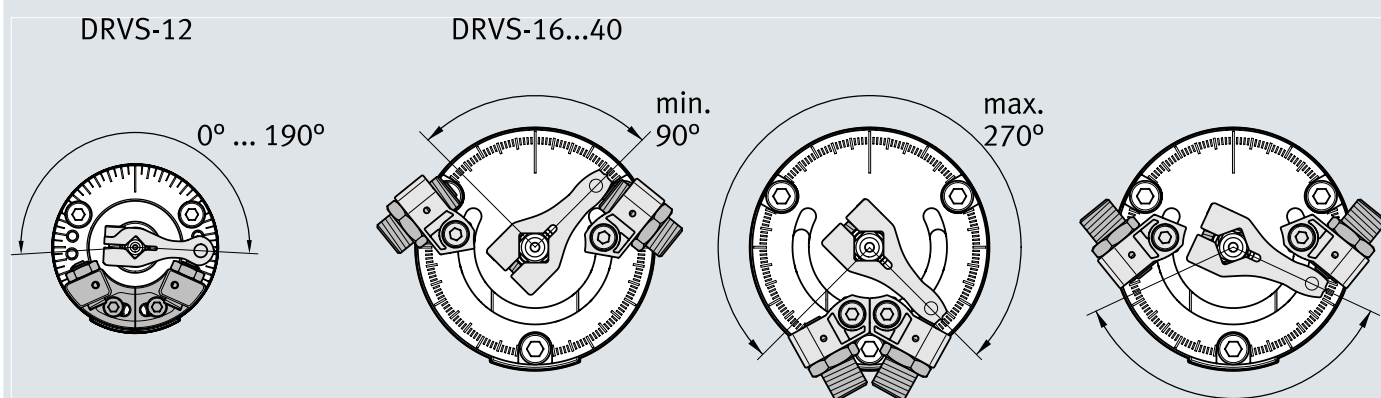


- [1] Cữ chặn
[2] Ren gắn cho giá đỡ cảm biến

	D1 Ø	L1	L2	L3	L4	L5	R1
DADP-ES-Q12-32	81	25,6	10	10,8	2,2	2,6	45,5
DADP-ES-Q12-40	100	32	12	13,7	3,3	3	58

Kích thước

Kích thước – Kit chặn DADP-ES-Q12 – chuyển động xoay

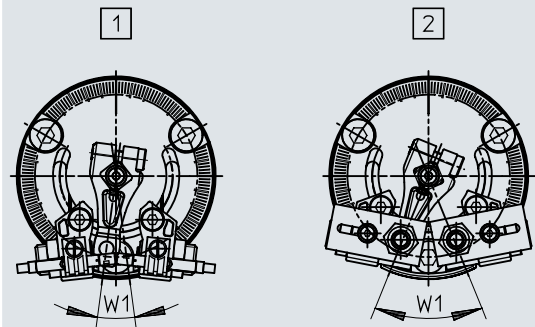
Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

[1] Để chuyển động xoay trơn tru, nên đặt các điểm dừng đối xứng với vị trí trung tâm.

Kích thước

Kích thước – Kit chặn DADP-ES-Q12 – góc xoay kết hợp với các công tắc tiệm cận đi kèm

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

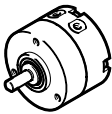


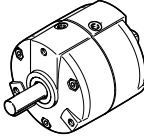
- [1] Với công tắc tiệm cận SME-10/SMT-10
[2] Với công tắc tiệm cận SIEN-M5/SIEN-M8

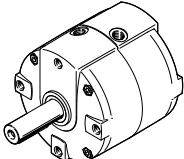
	W1	
	1)	2)
DADP-ES-Q12-12	15°	60°
DADP-ES-Q12-16		45°
DADP-ES-Q12-25		20°
DADP-ES-Q12-32		15°
DADP-ES-Q12-40		15°

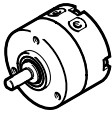
- 1) Với công tắc tiệm cận SME-10/SMT-10
2) Với công tắc tiệm cận SIEN-M5/SIEN-M8

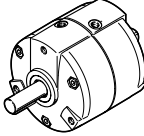
Thông tin đặt hàng

không có giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	6	90 °	M3	1845706	DRVS-6-90-P
		180 °		1845707	DRVS-6-180-P
	8	90 °		1845708	DRVS-8-90-P
		180 °		1845709	DRVS-8-180-P

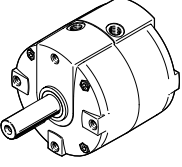
không có giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	12	90 °	M5	1845710	DRVS-12-90-P
		180 °		1845711	DRVS-12-180-P
		270 °		1845712	DRVS-12-270-P
	16	90 °		1845713	DRVS-16-90-P
		180 °		1845714	DRVS-16-180-P
		270 °		1845715	DRVS-16-270-P

không có giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	25	90 °	M5	1845716	DRVS-25-90-P
		180 °		1845717	DRVS-25-180-P
		270 °		1845718	DRVS-25-270-P
	32	90 °	G1/8	1845719	DRVS-32-90-P
		180 °		1845720	DRVS-32-180-P
		270 °		1845721	DRVS-32-270-P
	40	90 °		1845722	DRVS-40-90-P
		180 °		1845723	DRVS-40-180-P
		270 °		1845724	DRVS-40-270-P

với giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	6	90 °	M3	2536483	DRVS-6-90-P-EX4
		180 °		2536484	DRVS-6-180-P-EX4
	8	90 °		2536485	DRVS-8-90-P-EX4
		180 °		2536486	DRVS-8-180-P-EX4

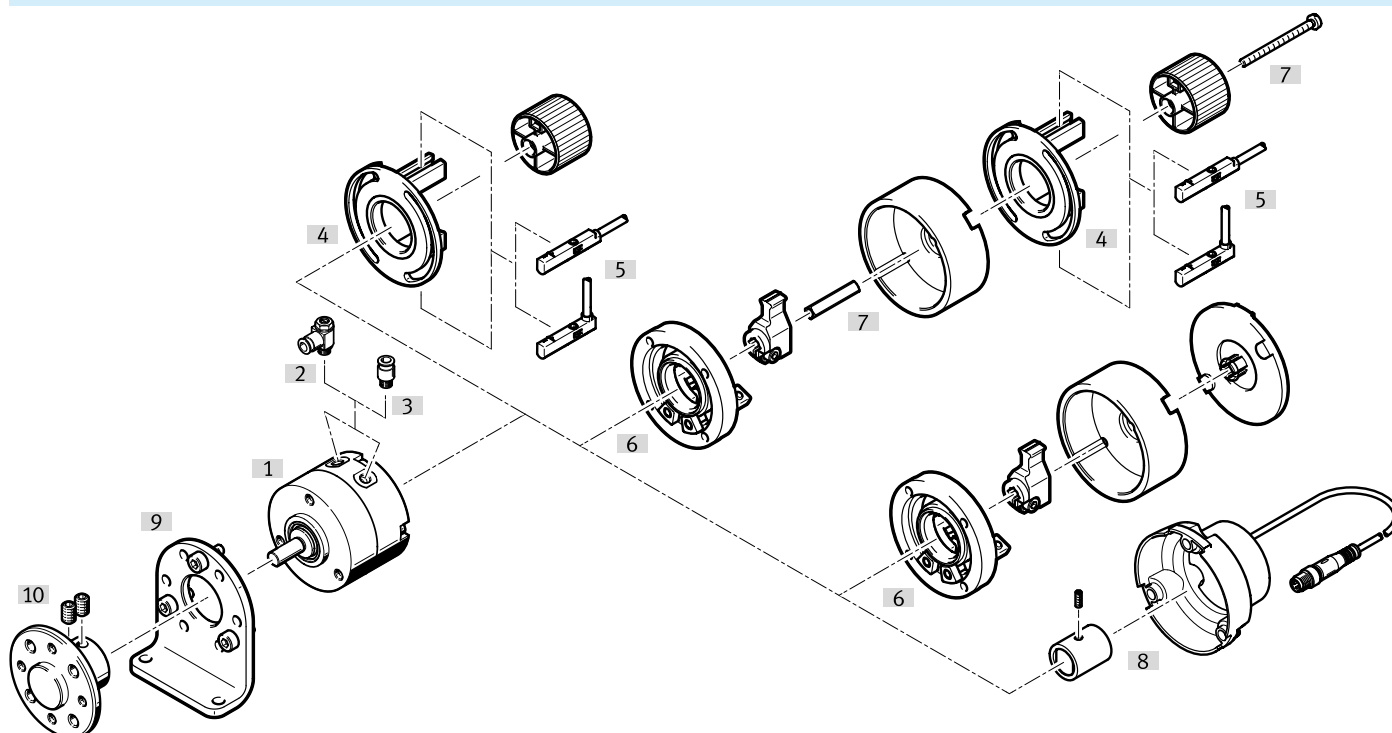
với giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	12	90 °	M5	2536487	DRVS-12-90-P-EX4
		180 °		2536488	DRVS-12-180-P-EX4
		270 °		2536489	DRVS-12-270-P-EX4
	16	90 °		2536490	DRVS-16-90-P-EX4
		180 °		2536491	DRVS-16-180-P-EX4
		270 °		2536492	DRVS-16-270-P-EX4

Thông tin đặt hàng

với giấy phép ATEX					
	Kích thước	Góc xoay danh định [°]	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
	25	90 °	M5	2536493	DRVS-25-90-P-EX4
		180 °		2536494	DRVS-25-180-P-EX4
		270 °		2536495	DRVS-25-270-P-EX4
	32	90 °	G1/8	2536496	DRVS-32-90-P-EX4
		180 °		2536497	DRVS-32-180-P-EX4
		270 °		2536498	DRVS-32-270-P-EX4
	40	90 °		2536499	DRVS-40-90-P-EX4
		180 °		2536500	DRVS-40-180-P-EX4
		270 °		2536501	DRVS-40-270-P-EX4

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

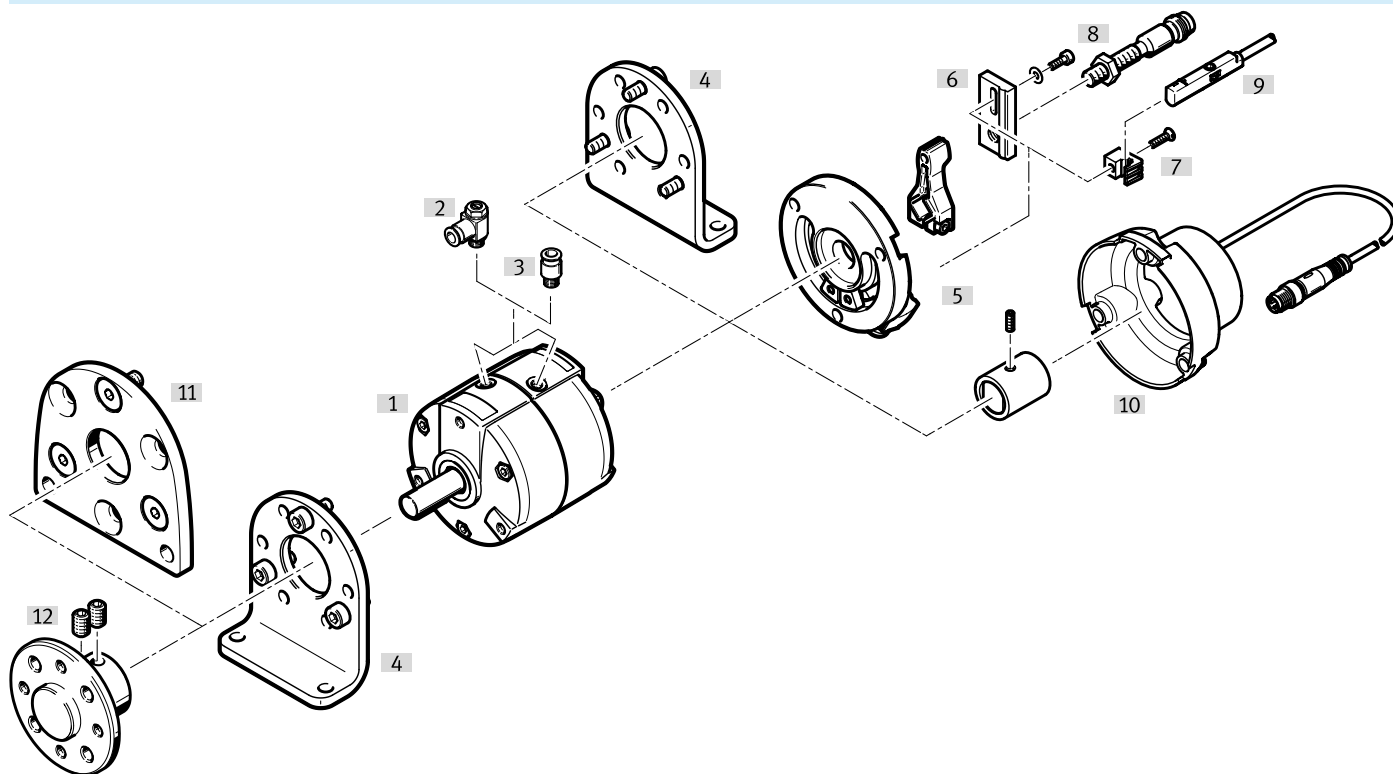
DRVS-6 ... 8



Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1] Bộ truyền động xoay DRVS	Bộ truyền động xoay	drvs
[2] Van tiết lưu một chiều GRLA	để điều chỉnh tốc độ	41
[3] Mối nối vít cắm QS	để kết nối các ống mềm khí nên được dung nạp bên ngoài	qs
[4] Đỡ gá WSM	• để truy vấn góc xoay • để gắn các công tắc tiệm cận SME-/SMT-10 • phải được đặt hàng riêng như một phụ kiện • có thể được kết hợp với kit chặn KSM • cùng với kit chặn KSM, bộ chuyển đổi DADP-AK cũng phải được đặt hàng	38
[5] Công tắc tiệm cận SME/SMT	để truy vấn vị trí cuối	40
[6] Kit chặn KSM	• để điều chỉnh góc xoay • phải được đặt hàng riêng như một phụ kiện • có thể được kết hợp với bộ gắn WSM • cùng với bộ gắn WSM, bộ chuyển đổi DADP-AK cũng phải được đặt hàng	38
[7] Bộ chuyển đổi DADP-AK	để gắn bộ gắn WSM vào kit chặn KSM	38
[8] Cảm biến vị trí SRBS	• Để truy vấn góc xoay • Để gắn trực tiếp trên bộ truyền động xoay • Phải được đặt hàng riêng như một phụ kiện • Một nam châm cần được gắn vào trục của bộ truyền động xoay, bao gồm trong phạm vi giao hàng của cảm biến vị trí	38
[9] Bút gá xy lạnh DAMH	• để gắn bộ truyền động xoay • chỉ có thể lắp ở phía trước	37
[10] Khớp nối mặt bích FWSR	Để gắn các bộ phận rời	37

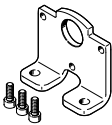
Tổng quan về thiết bị ngoại vi

DRVS-12 ... 40



Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1]	Bộ truyền động xoay DRVS	BỘ truyền động xoay
[2]	Van tiết lưu một chiều GRLA	để điều chỉnh tốc độ
[3]	Đầu nối ren cắm QS	để kết nối các ống mềm khí nén với tiêu chuẩn đường kính ngoài
[4]	Bát gá xy lanh DAMH	37
[5]	Kit chặn DADP-ES	39
[6]	Giả đỡ cảm biến SL-DSM-S	để gắn các công tắc tiệm cận tròn, cảm ứng SIEN
[7]	Giả đỡ cảm biến SL-DSM-B	để gắn các cảm biến tiệm cận SME/SMT-10
[8]	Công tắc tiệm cận SIEN	để truy vấn vị trí cuối
[9]	Công tắc tiệm cận SME/SMT	để truy vấn vị trí cuối
[10]	Cảm biến vị trí SRBS	38
		• Để truy vấn góc xoay • Để gắn trực tiếp trên bộ truyền động xoay • Phải được đặt hàng riêng như một phụ kiện • Một nam châm cần được gắn vào trục của bộ truyền động xoay, bao gồm trong phạm vi giao hàng của cảm biến vị trí
[11]	Bộ gá mặt bích DAMF	để gắn phía trước của bộ truyền động xoay thông qua hai lỗ gắn
[12]	Khớp nối mặt bích DARF	để gắn các bộ phận rời

Phụ kiện

Bắt gá xy lanh DAMH						
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu giá treo	Ghi chú vật liệu ²⁾	trọng lượng sản phẩm ³⁾	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, bắt gá xy lanh chỉ có thể được gắn ở phía trước	Thép mạ kẽm	Tuân thủ RoHS	27 g	3371840	DAMH-Q12-6
	cho kích thước 8, bắt gá xy lanh chỉ có thể được gắn ở phía trước			40 g	3371841	DAMH-Q12-8
	cho kích thước 12			79 g	3371842	DAMH-Q12-12
	cho kích thước 16			111 g	3371843	DAMH-Q12-16
	cho kích thước 25			203 g	3371844	DAMH-Q12-25
	cho kích thước 32			287 g	3371845	DAMH-Q12-32
	cho kích thước 40			529 g	3371846	DAMH-Q12-40

1) Đối với kích thước 6 và 8, chỉ có thể lắp bắt gá xy lanh ở phía trước

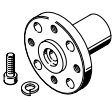
2) Tuân thủ ATEX

3) Đối với một bắt gá xy lanh

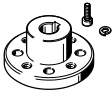
Bộ gá mặt bích DAMF					
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu đồ gắn	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 12	Thép mạ kẽm	54 g	4965018	DAMF-Q12-12
	cho kích thước 16		80 g	4965019	DAMF-Q12-16
	cho kích thước 25		147 g	4965020	DAMF-Q12-25
	cho kích thước 32		305 g	4965021	DAMF-Q12-32
	cho kích thước 40		472 g	4965022	DAMF-Q12-40

1) Các biến thể lắp kết nối với các cổng nối khí nén:

- cho các kích thước 12 ... 25 mỗi 60° có thể
- mỗi 90° có thể cho các kích thước 32/40

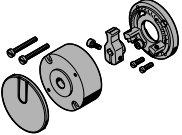
Khớp nối mặt bích FWSR					liên kết fwsr
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu vỏ	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6	Hợp kim nhôm rèn	5 g	185948	FWSR-6
	cho kích thước 8		7 g	185949	FWSR-8

1) Tuân thủ ATEX

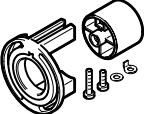
Khớp nối mặt bích DARF					liên kết darf
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu mặt bích	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 12	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa	15 g	4886221	DARF-Q12-12
	cho kích thước 16		25 g	4886222	DARF-Q12-16
	cho kích thước 25		60 g	4886223	DARF-Q12-25
	cho kích thước 32		92 g	4886224	DARF-Q12-32
	cho kích thước 40		155 g	4886225	DARF-Q12-40

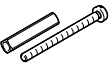
1) Tuân thủ ATEX

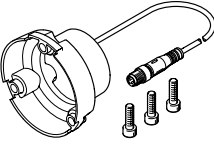
Phụ kiện

Kit chặn KSM				liên kết ksm	
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu vỏ	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, để điều chỉnh góc xoay	Nhôm, anốt hóa	30 g	175833	KSM-6
	cho kích thước 8, để điều chỉnh góc xoay		70 g	175834	KSM-8

1) Tuân thủ ATEX

Bộ gắn WSM					
	Miêu tả	Vật liệu gá	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, để truy vấn góc xoay; để gắn cảm biến tiệm cận SME/SMT-10	PA gia cố	12 g	173205	WSM-6-SME-10
	cho kích thước 8, để truy vấn góc xoay; để gắn cảm biến tiệm cận SME/SMT-10		13 g	173206	WSM-8-SME-10

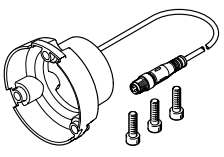
Bộ chuyển đổi DADP-AK					
	Miêu tả	Bộ chuyển đổi vật liệu	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, để gắn đồ gá WSM vào bộ cỡ chặn KSM	Thép mạ kẽm	2 g	3617044	DADP-AK-Q1-6
	cho kích thước 8, để gắn đồ gá WSM vào bộ cỡ chặn KSM		3 g	3617045	DADP-AK-Q1-8

Cảm biến vị trí SRBS để gắn trực tiếp vào bộ truyền động cho DRVS-6 ... 40						liên kết srbs
	Miêu tả	Chức năng phần tử chuyển mạch ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Phạm vi phát hiện	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi	2 x PNP hoặc 2 x NPN có thể chuyển đổi	270 °	2619969	SRBS-Q12-6-E270-EP-1-S-M8
	cho kích thước 8, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động				2619972	SRBS-Q12-8-E270-EP-1-S-M8
	cho kích thước 12, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động				2393546	SRBS-Q12-12-E270-EP-1-S-M8
	cho kích thước 16, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động				2393547	SRBS-Q12-16-E270-EP-1-S-M8
	cho kích thước 25, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động				2393548	SRBS-Q12-25-E270-EP-1-S-M8
	cho kích thước 32, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động				2393549	SRBS-Q12-32-E270-EP-1-S-M8

Phụ kiện

Cảm biến vị trí SRBS để gắn trực tiếp vào bộ truyền động cho DRVS-6 ... 40

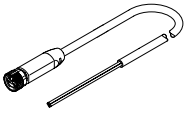
liên kết [srbs](#)

	Miêu tả	Chức năng phần tử chuyển mạch ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Phạm vi phát hiện	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 40, để gắn trực tiếp vào bộ truyền động	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi	2 x PNP hoặc 2 x NPN có thể chuyển đổi	270 °	2393550	SRBS-Q12-40-E270-EP-1-S-M8

1) Phát hiện vị trí mạnh mẽ, không tiếp xúc và được bao kín với tuổi thọ lâu dài:

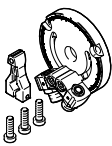
- để truy vấn các vị trí cuối
- vận hành đơn giản và an toàn bằng một nút bấm
- chỉ cần một cáp kết nối

Các cáp kết nối NEBA, thẳng – cho cảm biến vị trí SRBS

	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, số cực/dây	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104	4	2,5 m	8078295	NEBA-M8G4-U-2.5-N-M8G4
		đầu mở			8078227	NEBA-M8G4-U-2.5-N-LE4
				5 m	8078228	NEBA-M8G4-U-5-N-LE4

Kit chặn DADP-ES

liên kết [dadp-es](#)

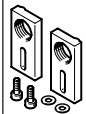
	Miêu tả ¹⁾	Vật liệu đĩa	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 12, để điều chỉnh góc xoay	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa	60 g	2536502	DADP-ES-Q12-12
	cho kích thước 16, để điều chỉnh góc xoay		110 g	2536503	DADP-ES-Q12-16
	cho kích thước 25, để điều chỉnh góc xoay		180 g	2536504	DADP-ES-Q12-25
	cho kích thước 32, để điều chỉnh góc xoay		250 g	2536505	DADP-ES-Q12-32
	cho kích thước 40, để điều chỉnh góc xoay		450 g	2536506	DADP-ES-Q12-40

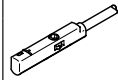
1) Tuân thủ ATEX

Giá đỡ cảm biến SL

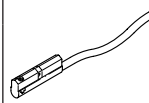
	Miêu tả	Vật liệu gá	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 12 ... 40, để gắn các cảm biến tiệm cận SME/SMT-10, để truy vấn góc xoay	PA gia cố	2 g	550661	SL-DSM-B

Phụ kiện

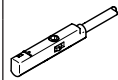
Giá đỡ cảm biến SL					
	Miêu tả	Vật liệu gá	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 12 ... 40, để gắn cảm biến tiệm cận SIEN-M8, để truy vấn gốc xoay	Nhôm	4 g	1132360	SL-DSM-S-M8-B
	cho kích thước 12 ... 40, để gắn cảm biến tiệm cận SIEN-M5, để truy vấn gốc xoay			1130882	SL-DSM-S-M5-B

Cảm biến tiệm cận SMT cho rãnh tròn, trở từ - cho DRVS-6 ... 40						liên kết 
	Kiểu gắn ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Cổng nối điện	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	vặn chặt, có thể lắp vào rãnh từ phía trên	3-dây cơ cấu đóng PNP	Đầu mở	2,5 m	551373	SMT-10M-PS-24V-E-2,5-L-OE
			Phích cắm M8, được mã hóa A	0,3 m	551375	SMT-10M-PS-24V-E-0,3-L-M8D

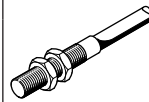
1) Đối với DRVS-6 ... 8: Với đồ gá WSM-...SME-10
Đối với DRVS-12 ... 40: Được gắn vào DRVS bằng giá đỡ cảm biến SL-DSM-B

Công tắc tiệm cận SME cho rãnh tròn, khung go từ tính cho DRVS-6 ... 40						liên kết 
	Kiểu gắn ¹⁾	Chức năng phần tử chuyển mạch	Cổng nối điện	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	kẹp trong rãnh tròn, có thể được đẩy dọc vào rãnh	Tiếp điểm thường mở	Đầu mở	0,3 m	173212	SME-10-SL-LED-24
				2,5 m	173210	SME-10-KL-LED-24

1) Đối với DRVS-6 ... 8: Với đồ gá WSM-...SME-10
Đối với DRVS-12 ... 40: Với giá đỡ cảm biến SL-DSM-B

Công tắc tiệm cận SME cho rãnh tròn, khung go từ tính cho DRVS-6 ... 40						liên kết 
	Kiểu gắn ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Cổng nối điện	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	vặn chặt, có thể lắp vào rãnh từ phía trên	Cơ cấu đóng 3 dây	Đầu mở	2,5 m	551365	SME-10M-DS-24V-E-2,5-L-OE
			Phích cắm M8, được mã hóa A	0,3 m	551367	SME-10M-DS-24V-E-0,3-L-M8D

1) Với giá đỡ cảm biến SL-DSM-B

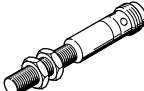
Công tắc tiệm cận SIEN, cảm ứng, có cáp – dành cho DRVS-12 ... 40						liên kết 
	Kiểu gắn ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Cổng nối điện	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	với đai ốc khóa	PNP	Đầu mở	2,5 m	150386	SIEN-M8B-PS-K-L
					150370	SIEN-M5B-PS-K-L

1) Với giá đỡ cảm biến SL-DSM-S

Phụ kiện

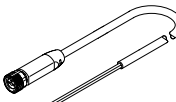
Công tắc tiệm cận SIEN, cảm ứng, không có cáp – dành cho DRVS-12 ... 40

liên kết [sien](#)

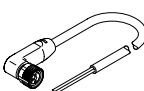
	Kiểu gắn ¹⁾	Đầu ra chuyển mạch	Cổng nối điện	Số bộ phận	Loại
	với đai ốc khóa	PNP	Phích cắm M8, được mã hóa A	150387	SIEN-M8B-PS-S-L
				150371	SIEN-M5B-PS-S-L

1) Với giá đỡ cảm biến SL-DSM-S

Các cáp kết nối NEBA, thẳng

	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, số cực/dây	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104	đầu mở	3	2,5 m	8078223	NEBA-M8G3-U-2.5-N-LE3
				5 m	8078224	NEBA-M8G3-U-5-N-LE3

Cáp kết nối NEBA, được đặt góc

	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, số cực/dây	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104	đầu mở	3	2,5 m	8078230	NEBA-M8W3-U-2.5-N-LE3
				5 m	8078231	NEBA-M8W3-U-5-N-LE3

Các van tiết lưu một chiều GRLA

	Miêu tả	Cổng nối khí nén 1	Cổng nối khí nén 2	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	cho kích thước 6, 8; Thiết kế bằng kim loại	Đầu nối cắm 3 mm	M3	7 g	175041	GRLA-M3-QS-3
			M5	13 g	193137	GRLA-M5-QS-3-D
	cho kích thước 12, 16, 25; Thiết kế bằng kim loại	Cổng nối phích cắm 4 mm			193138	GRLA-M5-QS-4-D
	cho kích thước 32, 40; Thiết kế bằng kim loại	Đầu nối cắm 3 mm	G1/8	22 g	193142	GRLA-1/8-QS-3-D
					193143	GRLA-1/8-QS-4-D
		Đầu nối 6 mm			193144	GRLA-1/8-QS-6-D
		Đầu nối 8 mm			193145	GRLA-1/8-QS-8-D